

Số: **42** /2013/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **14** tháng **11** năm 2013

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CÔNG VĂN ĐẾN

Số:

Ngày **14** tháng **11** năm 20**13**

THÔNG TƯ

Bổ sung Phụ lục của Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 27 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Hoa tiêu hàng hải và Nghị định số 49/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 173/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Hoa tiêu hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học-Công nghệ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư bổ sung Phụ lục của Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 1. Bổ sung Phụ lục của Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

1. Bổ sung vào Bảng 1. "Mã hiệu và khoảng cách các tuyến luồng hoa tiêu dẫn tàu" từ số thứ tự 99 đến số thứ tự 110 tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Bổ sung vào Bảng 2. "Khoảng cách hoạt động của phương tiện thủy cho từng tuyến luồng dẫn tàu" từ số thứ tự 83 đến số thứ tự 92 tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

3. Bổ sung vào Bảng 3. "Khoảng cách hoạt động của phương tiện bộ cho từng tuyến dẫn tàu" từ số thứ tự 84 đến số thứ tự 96 tại Phụ lục III kèm theo

Thông tư này.

4. Bổ sung vào Bảng 4. “Định mức tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy đưa, đón hoa tiêu dẫn tàu” tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này như sau:

- a) Bổ sung vào Mục I số thứ tự 19;
- b) Bổ sung vào Mục II số thứ tự từ 14 đến số thứ tự 17.

5. Bổ sung vào Bảng 5. “Định mức tiêu hao nhiên liệu và dầu bôi trơn cho phương tiện bộ đưa, đón hoa tiêu dẫn tàu” số thứ tự 30 và số thứ tự 31 tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này.

6. Bổ sung vào Bảng 7. “Định mức thời gian công nghệ hoa tiêu dẫn tàu” từ tuyến 99 đến tuyến 110 tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ;
- Trang thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG



Đinh La Thăng

Phụ lục I

Bổ sung vào Bảng 1. Mã hiệu và khoảng cách các tuyến luồng hoa tiêu dẫn tàu của Phụ lục Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~42~~ /2013/TT-BGTVT ngày ~~14~~ tháng ~~11~~ năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Từ vị trí đón đến vị trí trả hoa tiêu (và ngược lại)	Mã tuyến luồng dẫn tàu	Khoảng cách dẫn tàu (hải lý)
99	Vũng Tàu – Vietsovpetro, PTSC	T99	11
100	Vũng Tàu - Cát Lờ, Đông Xuyên, Shipyard, Hà Lộc	T100	14
101	Vũng Tàu - Vùng neo Gành Ráy	T101	06
102	Dịch chuyển tàu tại các cảng trên luồng Sông Dinh	T102	04
103	Vũng Tàu - VeDan, Gò Dầu A, Phosphat Long Thành, Bến tổng hợp số 2, UNICQUE Gas, Gò Dầu B, Cẩm phá.	T103	27
104	Vũng Tàu - Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ, CLINKER HOLCIM, SITV, BariaSerece, Đạm và dầu khí tổng hợp Phú Mỹ, Phú Mỹ PTSC, Nhà máy thép Phú Mỹ, SP-PSA	T104	22
105	Vũng Tàu - Posco, Interflour, PV Gas, Petec	T105	18
106	Vũng Tàu - Xăng dầu, Hưng Thái, Quốc tế Cái Mép (CMIT), SSIT	T106	16
107	Vũng Tàu - Gò Da	T107	22
108	Dịch chuyển tàu tại các cảng luồng Cái Mép - Thị Vải	T108	05
109	Phao 0 - Côn Đảo	T109	06
110	Vũng Tàu - Biên giới Vĩnh Xương	T110	145

Phụ lục II

Bổ sung vào Bảng 2. Khoảng cách hoạt động của phương tiện thủy cho từng tuyến luồng dẫn tàu của Phụ lục Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

(Ban hành kèm theo Thông tư số 42 /2013/TT-BGTVT ngày 14 tháng 1 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động	Khoảng cách (hải lý)
83	Tuyến 99	Cầu Đá – Phao 0	05
		Cầu Đá – Phao 1,3,5,7	04
		Cầu Đá – Gành Ráy	06
84	Tuyến 100	Cầu Đá – Phao 0	05
		Cầu Đá – Phao 1,3,5,7	04
		Cầu Đá – Gành Ráy	06
85	Tuyến 101	Cầu Đá – Phao 0	05
		Cầu Đá – Phao 1,3,5,7	04
		Cầu Đá – Gành Ráy	06
86	Tuyến 103	Cầu Đá – Phao 0	05
		Cầu Đá – Phao 1,3,5,7	04
		Cầu Đá – Gành Ráy	06
87	Tuyến 104	Cầu Đá – Phao 0	05
		Cầu Đá – Phao 1,3,5,7	04
		Cầu Đá – Gành Ráy	06
88	Tuyến 105	Cầu Đá – Phao 0	05
		Cầu Đá – Phao 1,3,5,7	04
		Cầu Đá – Gành Ráy	06
89	Tuyến 106	Cầu Đá – Phao 0	05
		Cầu Đá – Phao 1,3,5,7	04
		Cầu Đá – Gành Ráy	06
90	Tuyến 107	Cảng Côn Đảo - Phao 0	05
		Cầu Đá – Phao 1,3,5,7	04
		Cầu Đá – Gành Ráy	06
		Cầu Đá – Gò Da	22
91	Tuyến 109	Cảng Côn Đảo – Phao số 0	06
92	Tuyến 110	Cầu Đá – Phao 0	05
		Cầu Đá – Phao 1,3,5,7	04
		Cầu Đá – Gành Ráy	06
		Trạm HT Vĩnh Xương – Khu neo	01

Phụ lục III

Bổ sung vào Bảng 3. Khoảng cách hoạt động của phương tiện bộ cho từng tuyến dẫn tàu của Phụ lục Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

(Ban hành kèm theo Thông tư số 42 /2013/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Tuyến dẫn tàu	Tuyến đường hoạt động của phương tiện bộ	Khoảng cách đi và về (km)
84	Tuyến 99	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Vietsopetro, PTSC	18
85	Tuyến 100	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Shipyard, Cảng Hà Lộc	34
86	Tuyến 101	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Cầu Đá	02
87	Tuyến 102	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Các cảng luồng Sông Dinh	34
88	Tuyến 103	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Vedan, Gò Dầu B	120
89	Tuyến 104	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - NM nhiệt điện Phú Mỹ, SP-PSA	110
90	Tuyến 105	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Posco, Petec	106
91	Tuyến 106	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Xăng dầu, SSIT	100
92	Tuyến 107	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Gò Da	106
93	Tuyến 108	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Các cảng luồng Cái Mép-Thị Vải	120
94	Tuyến 109	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Sân bay Tân Sơn Nhất	250
		Sân bay Côn Đảo - Cảng Côn Đảo	40
95	Tuyến 110	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Cửa khẩu Vĩnh Xương (An Giang)	680
96	Tuyến dẫn tàu (T99, T100, T101, T103, T104, T105, T106, T110)	XN Hoa tiêu Vũng Tàu - Cảng Cầu Đá	2

Phụ lục IV

Bổ sung vào Bảng 4. Định mức tiêu hao nhiên liệu, dầu bôi trơn của phương tiện thủy đưa, đón hoa tiêu dẫn tàu của Phụ lục Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

(Ban hành kèm theo Thông tư số 42 /2013/TT-BGTVT ngày 14 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên máy - Chế độ khai thác máy	Loại nhiên liệu	Công suất danh định/vòng quay (HP/rpm)	Suất tiêu hao nhiên liệu (g/hp.h)	Mức công suất khai thác (%Ne)	Định mức dầu bôi trơn (% nhiên liệu)
I	Tàu					2,0
19	Máy chính Cummin NT885-M	Diesel	240	180		
	Làm mạn rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón Hoa tiêu				85	
	Nỗ máy chờ đưa, đón Hoa tiêu				40	
	Làm mạn rời, cập tàu				50	
II	Máy phát điện D15				85	
	Ca nô					2,0
14	Máy chính 6CH-HT YANMAR	Diesel	155	165		
	Làm mạn rời cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón hoa tiêu				85	
	Nỗ máy chờ đưa, đón hoa tiêu				40	

	Làm mạn rời, cập tàu				50	
	Máy chính 6CTA 8.3M188 Cummins	Diesel	188	170		2,0
15	Làm mạn rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón hoa tiêu				40	
	Làm mạn rời, cập tàu				50	
	Máy chính Caterpillar – C7	Diesel	2x315	172		2,0
16	Làm mạn rời, cập cầu				30	
	Hành trình đưa, đón hoa tiêu				85	
	Nổ máy chờ đưa, đón hoa tiêu				40	
	Làm mạn rời, cập tàu				50	
	Máy phát điện Mitsubishi 13.5 KVA	Diesel	31			85
17	Máy OUTBOARD - YAMAHA	Xăng	40			2,0
	Hành trình đưa, đón hoa tiêu				85	

Phụ lục V

Bổ sung vào Bảng 5. Định mức tiêu hao nhiên liệu và dầu bôi trơn cho phương tiện đường bộ đưa, đón Hoa tiêu dẫn tàu của Phụ lục Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

(Ban hành kèm theo Thông tư số 42 /2013/TT-BGTVT ngày 4 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Số TT	Tên phương tiện	Số chỗ (người)	Dung tích xi lanh (cm ³)	Loại nhiên liệu	Định mức	
					Nhiên liệu (lít/100km)	Dầu bôi trơn (% nhiên liệu)
30	Xe BMW	5	2500	Xăng A95	19	1,0
31	Xe FORD	7	2500	Diesel	12.5	1,0

Phụ lục VI

**Bổ sung vào Bảng 7. Định mức thời gian công nghệ hoa tiêu dẫn tàu của
Phụ lục Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải ban
hành kèm theo Thông tư số 69/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 42 /2013/TT-BGTVT ngày 14 tháng 1 năm
2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Tuyến 99 (T99). Mức hao phí thời gian tuyến từ vùng đón trả hoa tiêu Vũng Tàu - Cụm cảng Vietsovpetro, PTSC và ngược lại.

- Khoảng cách dẫn tàu: 11 hải lý, tốc độ dẫn tàu trung bình 04 hải/giờ;
- Khoảng cách đường bộ : 9 km;
- Phương tiện đường bộ : Xe ô tô các loại từ 5-7 chỗ.

Đơn vị tính: phút

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	Hoa tiêu nhận kế hoạch tại phòng nghiệp vụ hoa tiêu của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu	30
2	Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu cần dẫn	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu ra cầu tàu để phương tiện thủy đưa ra tàu	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15
	Phương tiện thủy làm mạn rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến tàu	30
	Phương tiện thủy làm mạn cập tàu cần dẫn	15
3	Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu	
	Hoa tiêu lên tàu cần dẫn trao đổi với thuyền trưởng	20
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cởi dây (nếu tàu neo, buộc phao)	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Vietsovpetro, PTSC	165
	Hoa tiêu điều động tàu cập cảng Vietsovpetro, PTSC	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	20
4	Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ cảng Vietsovpetro, PTSC về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	22
5	Hoa tiêu làm báo cáo công tác dẫn tàu với chỉ huy điều hành và lãnh đạo	15
	Tổng cộng	447
	<i>(Nếu tàu rời cảng Vietsovpetro, PTSC đi Vũng Tàu thì ngược lại)</i>	

Tuyến 100 (T100). Mức hao phí thời gian tuyến từ vùng đón trả hoa tiêu Vũng Tàu - Cụm cảng: Hà Lộc, Cát Lở, Đông Xuyên, Shipyard và ngược lại.

- Khoảng cách dẫn tàu : 14 hải lý, tốc độ dẫn tàu trung bình 04 hl/giờ;
- Khoảng cách đường bộ : 17 km;
- Phương tiện đường bộ : Xe ô tô các loại từ 5-7 chỗ.

Đơn vị tính: phút

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	Hoa tiêu nhận kế hoạch tại phòng nghiệp vụ hoa tiêu của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu	30
2	Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu cần dẫn	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu ra cầu tàu để phương tiện thủy đưa ra tàu	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15
	Phương tiện thủy làm manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến tàu	30
	Phương tiện thủy làm manơ cập tàu cần dẫn	15
3	Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu	
	Hoa tiêu lên tàu cần dẫn trao đổi với thuyền trưởng	20
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cời dây (nếu tàu neo, buộc phao)	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Cát Lở, Đông Xuyên, Shipyard	210
	Hoa tiêu điều động tàu cập cảng Cát Lở, Đông xuyên, Shipyard	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	20
4	Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ cảng Hà Lộc, Cát Lở, Đông Xuyên, Shipyard về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	41
5	Hoa tiêu làm báo cáo công tác dẫn tàu với chỉ huy điều hành và lãnh đạo	15
	Tổng cộng	511
	<i>(Nếu tàu rời cảng Cát Lở, Đông Xuyên, Shipyard đi Vũng Tàu thì ngược lại)</i>	

Tuyến 101(T101): Mức hao phí thời gian tuyến từ Phao số 0 Vũng Tàu - Vũng neo Gành Ráy và ngược lại.

- Khoảng cách dẫn tàu : 06 hải lý, tốc độ dẫn tàu trung bình 04 hl/giờ;
- Khoảng cách đường bộ : 2 km;
- Phương tiện đường bộ : Xe ô tô các loại 5-7 chỗ ngồi.

Đơn vị tính: phút

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	Hoa tiêu nhận kế hoạch tại phòng nghiệp vụ hoa tiêu của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu	30
2	Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu cần dẫn	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu ra cầu tàu để phương tiện thủy đưa ra tàu	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15
	Phương tiện thủy làm manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến tàu cần dẫn	30
	Phương tiện thủy làm manơ cập tàu cần dẫn	15
3	Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu	
	Hoa tiêu lên tàu cần dẫn trao đổi với thuyền trưởng	20
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cỏi dây (nếu tàu neo, buộc phao)	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ phao số 0 vào Khu vực Gành Ráy	90
	Hoa tiêu điều động tàu neo (buộc phao)	60
4	Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	
	Phương tiện thủy manơ cập tàu đón Hoa tiêu về cảng Cầu đá	45
	Phương tiện thủy manơ cập cảng Cầu đá	10
	Hoa tiêu từ phương tiện thủy lên xe ô tô	15
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu về Xí nghiệp Hoa tiêu	15
5	Hoa tiêu làm báo cáo công tác dẫn tàu với chỉ huy điều hành và lãnh đạo	20
	Tổng cộng	420
	<i>(Hoa tiêu dẫn tàu từ Gành Ráy ra phao số 0 thì ngược lại)</i>	

Tuyến 102(T102): Dịch chuyển tàu giữa các cảng luồng Sông Dinh.

- Khoảng cách dẫn tàu : 04 hải lý, tốc độ dẫn tàu 4h1/giờ;
- Khoảng cách đường bộ : 17 km;
- Phương tiện đường bộ : Xe ô tô các loại 5-7 chỗ ngồi.

Đơn vị tính: phút

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	Hoa tiêu nhận kế hoạch tại phòng nghiệp vụ hoa tiêu của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu	30
2	Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu cần dẫn	0
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu đến cầu cảng tàu cần dẫn đang cập	41
3	Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu	0
	Hoa tiêu lên tàu cần dẫn trao đổi với thuyền trưởng	20
	Hoa tiêu điều động tàu rời cầu	60
	Hoa tiêu dẫn tàu chuyển cảng	60
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	20
4	Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	0
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ cảng trên luồng Sông Dinh về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	41
5	Hoa tiêu làm báo cáo công tác dẫn tàu với chỉ huy điều hành và lãnh đạo	15
	Tổng cộng	347

Tuyến 103(T103): Mức hao phí thời gian tuyến từ vùng đón trả hoa tiêu Vũng Tàu - cụm cảng: VeDan, Gò Dầu A, Phosphat Long Thành, Bến tổng hợp số 2, UNIQUE Gas, Gò Dầu B, Cẩm Phả và ngược lại.

- Khoảng cách dẫn tàu : 27 hải lý, tốc độ dẫn tàu trung bình 5,5 h/giờ;
- Khoảng cách đường bộ : 60 km;
- Phương tiện đường bộ : Xe ô tô các loại từ 5-7 chỗ.

Đơn vị tính: phút

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	Hoa tiêu nhận kế hoạch tại phòng nghiệp vụ hoa tiêu của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu	30
2	Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu cần dẫn	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu ra cầu tàu để phương tiện thủy đưa ra tàu	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15
	Phương tiện thủy làm manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến tàu	30
	Phương tiện thủy làm manơ cập tàu cần dẫn	15
3	Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu	
	Hoa tiêu lên tàu cần dẫn trao đổi với thuyền trưởng	20
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cời dây (nếu tàu neo, buộc phao)	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng VeDan, Cẩm Phả	295
	Hoa tiêu điều động tàu cập cảng VeDan, Cẩm Phả	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	30
4	Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ cảng VeDan, Gò Dầu B về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	110
5	Hoa tiêu làm báo cáo công tác dẫn tàu với chỉ huy điều hành và lãnh đạo	15
	Tổng cộng	675
	<i>(Nếu tàu rời cảng VeDan, Gò Dầu B đi Vũng Tàu thì ngược lại)</i>	

Tuyến 104 (T104): Mức hao phí thời gian tuyến từ vùng đón trả hoa tiêu Vũng tàu - Cụm cảng: Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ, Nhà máy Clinker Holcim, Quốc tế SG (SITV), BariaSerece, Đạm và Dầu khí tổng hợp Phú Mỹ, Phú Mỹ PTSC, Nhà máy thép Phú Mỹ, SP-PSA và ngược lại.

- Khoảng cách dẫn tàu : 22 hải lý, tốc độ dẫn tàu trung bình 5,5 hl/giờ;
- Khoảng cách đường bộ : 55 km;
- Phương tiện đường bộ : Xe ô tô các loại từ 5-7 chỗ.

Đơn vị tính: phút

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	Hoa tiêu nhận kế hoạch tại phòng nghiệp vụ hoa tiêu của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu	30
2	Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu cần dẫn	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu ra cầu tàu để phương tiện thủy đưa ra tàu	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15
	Phương tiện thủy làm manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến tàu	30
	Phương tiện thủy làm manơ cập tàu cần dẫn	15
3	Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu	
	Hoa tiêu lên tàu cần dẫn trao đổi với thuyền trưởng	20
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cởi dây (nếu tàu neo, buộc phao)	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng tàu vào cầu cảng Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ, SP-PSA	240
	Hoa tiêu điều động tàu cập cảng Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ, SP-PSA	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	30
4	Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ cảng Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ, SP-PSA về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	95
5	Hoa tiêu làm báo cáo công tác dẫn tàu với chỉ huy điều hành và lãnh đạo	15
	Tổng cộng	605
	<i>(Nếu tàu rời cảng Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ, SP-PSA đi Vũng Tàu thì ngược lại)</i>	

Tuyến 105(T105): Mức hao phí thời gian tuyến từ vùng đón trả hoa tiêu Vũng Tàu - Cụm cảng: Posco, Interflour, PV Gas, Petec và ngược lại.

- Khoảng cách dẫn tàu : 18 hải lý, tốc độ dẫn tàu trung bình 5,5 hl/giờ;
- Khoảng cách đường bộ : 53 km;
- Phương tiện đường bộ : Xe ô tô các loại từ 5-7 chỗ.

Đơn vị tính: phút

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	Hoa tiêu nhận kế hoạch tại phòng nghiệp vụ hoa tiêu của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu	30
2	Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu cần dẫn	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu ra cầu tàu để phương tiện thủy đưa ra tàu	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15
	Phương tiện thủy làm manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến tàu	30
	Phương tiện thủy làm manơ cập tàu cần dẫn	15
3	Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu	
	Hoa tiêu lên tàu cần dẫn trao đổi với thuyền trưởng	20
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc còi dây (nếu tàu neo, buộc phao)	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Posco, Petec	196
	Hoa tiêu điều động tàu cập cảng Posco, Petec	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	50
4	Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ cảng Posco, Petec về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	91
5	Hoa tiêu làm báo cáo công tác dẫn tàu với chỉ huy điều hành và lãnh đạo	15
	Tổng cộng	577
	<i>(Nếu tàu rời Posco, Petec đi Vũng Tàu thì ngược lại)</i>	

Tuyến 106(T106): Mức hao phí thời gian vùng đón trả hoa tiêu Vũng Tàu - Cùm cảng: Xăng dầu, Hưng Thái, Quốc tế Cái Mép và ngược lại.

- Khoảng cách dẫn tàu : 16 hải lý, tốc độ dẫn tàu trung bình 5,5 hl/giờ;

- Khoảng cách đường bộ : 50 km;

- Phương tiện đường bộ : Xe ô tô các loại từ 5-7 chỗ.

Đơn vị tính: phút

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	Hoa tiêu nhận kế hoạch tại phòng nghiệp vụ hoa tiêu của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu	30
2	Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu cần dẫn	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu ra cầu tàu để phương tiện thủy đưa ra tàu	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15
	Phương tiện thủy làm manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến tàu cần dẫn	30
	Phương tiện thủy làm manơ cập tàu cần dẫn	15
3	Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu	
	Hoa tiêu lên tàu cần dẫn trao đổi với thuyền trưởng	20
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cời dây (nếu tàu neo, buộc phao)	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào cầu cảng Xăng dầu	175
	Hoa tiêu điều động tàu cập cảng Xăng dầu	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	50
4	Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ cảng Xăng dầu về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	86
5	Hoa tiêu làm báo cáo công tác dẫn tàu với chỉ huy điều hành và lãnh đạo	15
	Tổng cộng	551
	<i>(Nếu tàu rời cảng Xăng dầu, Hưng Thái, Quốc tế Cái Mép đi Vũng Tàu thì ngược lại)</i>	

Tuyến 107(T107): Mức hao phí thời gian tuyến vùng đón trả hoa tiêu Vũng Tàu – Gò Da và ngược lại.

- Khoảng cách dẫn tàu : 22 hải lý; vận tốc dẫn tàu 5,5h1/giờ.

Đơn vị tính: phút

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	Hoa tiêu nhận kế hoạch tại phòng nghiệp vụ hoa tiêu của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu	30
2	Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu cần dẫn	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu ra cầu tàu để phương tiện thủy đưa ra tàu	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15
	Phương tiện thủy làm manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến tàu cần dẫn	30
	Phương tiện thủy làm manơ cập tàu cần dẫn	15
3	Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu	
	Hoa tiêu lên tàu cần dẫn trao đổi với thuyền trưởng	20
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cởi dây (nếu tàu neo, buộc phao)	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu vào Khu vực Gò Da	240
	Hoa tiêu điều động tàu neo (buộc phao)	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	50
4	Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	
	Phương tiện thủy manơ cập tàu đón Hoa tiêu về cảng Cầu Đá	165
	Phương tiện thủy manơ cập cảng Cầu Đá	10
	Hoa tiêu từ phương tiện thủy lên xe ô tô	15
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu về Xí nghiệp Hoa tiêu	15
5	Hoa tiêu làm báo cáo công tác dẫn tàu với chỉ huy điều hành và lãnh đạo	15
	Tổng cộng	735
	<i>(Nếu tàu rời Khu neo, buộc phao Gò Da đi Vũng Tàu thì ngược lại)</i>	

Tuyến 108(T108): Dịch chuyển tàu giữa các Cảng luồng Cái Mép – Thị Vải và ngược lại.

- Khoảng cách dẫn tàu : 05 hải lý; tốc độ dẫn tàu 05 hl/giờ;
- Khoảng cách đường bộ : 60 km;
- Phương tiện đường bộ : Xe ô tô các loại 5-7 chỗ ngồi.

Đơn vị tính: phút

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	Hoa tiêu nhận kế hoạch tại phòng nghiệp vụ hoa tiêu của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu	30
2	Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu cần dẫn	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu đến cầu cảng tàu cần dẫn đang cập	103
3	Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu	
	Hoa tiêu lên tàu cần dẫn trao đổi với thuyền trưởng	20
	Hoa tiêu điều động tàu rời cầu	60
	Hoa tiêu dẫn tàu chuyên cảng	60
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	50
4	Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ cảng trên luồng Cái Mép-Thị Vải về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	103
5	Hoa tiêu làm báo cáo công tác dẫn tàu với chỉ huy điều hành và lãnh đạo	15
	Tổng cộng	501

Tuyến 109(T109): Mức hao phí thời gian Phao số O - Cảng Côn Đảo và ngược lại.

- Khoảng cách dẫn tàu : 06 hải lý; tốc độ dẫn tàu 4 hl/giờ;
- Khoảng cách đường bộ : 145 km;
- Khoảng cách đường hàng không : 2,5 giờ (1,0 giờ bay + 1,5 giờ làm thủ tục);
- Phương tiện đường bộ : Xe ô tô các loại từ 5-7 chỗ.

Đơn vị tính: phút

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	Hoa tiêu nhận kế hoạch tại phòng nghiệp vụ hoa tiêu của Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu	30
2	Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu cần dẫn	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu đi sân bay Tân Sơn Nhất	214
	Hoa tiêu chờ làm thủ tục tại sân bay Tân Sơn Nhất	60
	Thời gian bay từ Tân Sơn Nhất- Côn Đảo	60
	Hoa tiêu làm thủ tục tại sân bay Côn Đảo	30
	Xe ô tô đón Hoa tiêu đến cầu cảng	60
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15
	Phương tiện thủy làm manơ rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu ra tàu cần dẫn	30
	Phương tiện thủy làm manơ cập tàu cần dẫn	15
3	Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu	
	Hoa tiêu lên tàu cần dẫn trao đổi với thuyền trưởng	20
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc còi dây (nếu tàu neo, buộc phao)	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Phao số O vào Cảng Côn Đảo	90
	Hoa tiêu điều động tàu cập cầu cảng	60
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	20
4	Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu từ Cảng về Trạm Hoa tiêu Côn Đảo	30
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu ra sân bay Côn Đảo	40
	Hoa tiêu làm thủ tục tại sân bay Côn Đảo	60
	Thời gian bay từ Côn Đảo - Sân bay Tân Sơn Nhất	60
	Hoa tiêu làm thủ tục tại sân bay Tân Sơn Nhất	30
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu về Xí nghiệp Hoa tiêu tại Vũng Tàu	215
5	Hoa tiêu làm báo cáo công tác dẫn tàu với chỉ huy điều hành và lãnh đạo	15
	Tổng cộng	994
	<i>(Hoa tiêu dẫn tàu từ Phao số O vào cảng Côn Đảo thì ngược lại)</i>	

- Tuyến 110(T110): Mức hao phí thời gian tuyến từ vùng đón trả hoa tiêu Vũng Tàu*
- *Biên giới Vĩnh Xương (Việt Nam-Campuchia) và ngược lại.*
 - Khoảng cách dẫn tàu : 145 hải lý, tốc độ dẫn tàu trung bình 6 hl/giờ;
 - Khoảng cách đường bộ : 340 km;
 - Phương tiện đường bộ : Xe ô tô các loại từ 5-7 chỗ.

Đơn vị tính: phút

TT	Các bước công việc	Thời gian
1	Hoa tiêu nhận kế hoạch tại phòng nghiệp vụ hoa tiêu của XN Hoa tiêu Vũng Tàu	30
2	Phương tiện đưa Hoa tiêu đến tàu cần dẫn	0
	Xe ô tô đưa Hoa tiêu ra cầu tàu để phương tiện thủy đưa ra tàu	15
	Hoa tiêu lên phương tiện thủy	15
	Phương tiện thủy làm mơn rời bến đỗ	10
	Phương tiện thủy đưa Hoa tiêu từ bến đỗ đến tàu cần dẫn	30
	Phương tiện thủy làm mơn cập tàu cần dẫn	15
3	Hoa tiêu tác nghiệp dẫn tàu	0
	Hoa tiêu lên tàu cần dẫn trao đổi với thuyền trưởng	20
	Hoa tiêu điều động tàu kéo neo hoặc cời dây (nếu tàu neo, buộc phao)	30
	Hoa tiêu dẫn tàu từ Vũng Tàu đi Biên giới Vĩnh Xương (VN -Campuchia)	1450
	Hoa tiêu điều động tàu thả neo	30
	Hoa tiêu hoàn tất thủ tục, bàn giao với thuyền trưởng	20
4	Phương tiện đưa, đón Hoa tiêu về Xí nghiệp tại Vũng Tàu	0
	Phương tiện thủy làm ma-nơ cập tàu cần dẫn	15
	Phương tiện thủy đón Hoa tiêu vào Trạm Hoa tiêu Vĩnh Xương	15
	Phương tiện bộ đưa Hoa tiêu từ Trạm Hoa tiêu Vĩnh Xương - An Giang về Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu	612
5	Hoa tiêu làm báo cáo công tác dẫn tàu với chỉ huy điều hành và lãnh đạo	15
	Tổng cộng	2322
	<i>(Nếu tàu cần dẫn rời Vĩnh Xương - An Giang đi Vũng Tàu thì ngược lại)</i>	